

VAI TRÒ CỦA CỬ CHỈ KÈM LỜI TRONG HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP (QUA MỘT SỐ TÁC PHẨM VĂN HỌC)

LÊ THỊ MAI NGÂN

(Cao học NN K15, ĐHSP Thái Nguyên)

1. Mở đầu

Ngôn ngữ là công cụ/phương tiện giao tiếp trọng yếu nhất và cũng hữu hiệu nhất của con người. Ngoài ngôn ngữ, người ta còn có thể sử dụng các phương tiện khác để giao tiếp như các tín hiệu âm thanh, hình ảnh, điệu bộ cử chỉ,... Thông thường trong giao tiếp đương diện (mặt đối mặt), người ta thường ít khi chỉ sử dụng thuần túy một phương tiện ngôn ngữ mà thường dùng kết hợp một cách hữu thức hay vô thức các cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,...

Cử chỉ kèm lời là một hiện tượng hiện hữu, được dùng thường xuyên trong hoạt động giao tiếp ở “*dạng nói*” (Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hoà) hay trong “*phong cách nói*” (Hồ Lê) của con người từ xưa đến nay trong các cộng đồng ngôn ngữ. Nó đã được các nhà ngôn ngữ học bước đầu đề cập đến dưới các tên gọi như “*ngôn hiệu*” - một thành tố của ngữ huớng phát ngôn (Hồ Lê), “*tín hiệu kèm ngôn ngữ*” hay “*yếu tố kèm ngôn ngữ*” (Đỗ Hữu Châu),... Thông thường nhất, nó hay được nhắc đến dưới dạng một tổ hợp từ “*cử chỉ, điệu bộ, nét mặt*”.

Để tìm hiểu về loại phương tiện giao tiếp là các cử chỉ, hành vi, điệu bộ, nét mặt kèm theo lời nói khi giao tiếp, chúng tôi mạn phép đưa ra một thuật ngữ giản dị là “Cử chỉ kèm lời” và quy vào đó một nội hàm khái niệm như sau: **Cử chỉ kèm lời** (CCKL) là những vận động của các bộ phận trên cơ thể (mắt, mũi, mồm, tay, chân,...) được người nói tạo ra và sử dụng một cách có ý thức hoặc không có ý thức (theo thói quen) trong khi nói, nhằm mang lại một ý nghĩa nào đó bổ

sung cho lời nói. CCKL có thể được người nghe nhận biết bằng thị giác hoặc thính giác.

Chúng tôi tìm hiểu về CCKL trên tư liệu là **hội thoại của các nhân vật trong tác phẩm văn chương**. Tất nhiên ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật trong tác phẩm văn chương cũng đều đã được khúc xạ qua ngôn ngữ tác giả, nó không hoàn toàn là ngôn ngữ hiện thực. Tuy vậy, việc tìm hiểu CCKL trên tư liệu các cuộc hội thoại trong tác phẩm của các nhà văn cũng cho phép ta rút ra một cách khách quan phần nào vai trò của phương tiện này trong hoạt động giao tiếp.

2. Vai trò của CCKL trong hoạt động giao tiếp

CCKL thuộc về yếu tố phương tiện giao tiếp trong cấu trúc của một hoạt động giao tiếp (bao gồm nhân vật giao tiếp, mục đích giao tiếp, phương tiện giao tiếp, nội dung giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp, đối tượng giao tiếp). Tuy chỉ là phương tiện hỗ trợ cho lời nói nhưng CCKL có vai trò rất quan trọng trong việc nhận hiểu nghĩa lời nói. “*Cử chỉ, điệu bộ, nét mặt có khả năng biểu hiện trực tiếp nghị thức ngôn giao. Nhìn vào cử chỉ, điệu bộ, nét mặt người ta thấy ngay nghị thức ngôn giao mà những người giao tiếp đã sử dụng với nhau ngụ ý điều gì: coi trọng hay coi thường, lễ độ với nhau hay xúc xược, yêu mến hay ghét bỏ, thành thật hay mĩa mai, châm biếm...*” (Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hoà- [1, tr.260, 261]. Đỗ Hữu Châu khẳng định: “*Những tín hiệu kèm ngôn ngữ tuy là thứ yếu nhưng rất quan trọng, thiếu chúng, cuộc nói chuyện sẽ tẻ nhạt, thậm chí phải chấm dứt*”.

Cùng với ngôn ngữ, CCKL chứa đựng yếu tố văn hoá, do sự quy ước của cộng đồng. F.de.Saussure: “*Mọi phương tiện được chấp nhận trong một xã hội, về nguyên tắc mà nói, đều dựa trên thói quen tập thể, hoặc – chung quy cũng vẫn thế – trên sự quy ước.*” Cùng một cử chỉ, ở mỗi nền văn hoá khác nhau, ý nghĩa biểu hiện của chúng cũng có thể khác nhau. VD cử chỉ gập đầu của người Việt Nam có nghĩa là đồng ý, lắc đầu là phản đối nhưng với người Nepal, Ấn Độ, Pakistan, Albani thì ngược lại, lắc đầu là đồng ý, gập đầu là không đồng ý.

Tìm hiểu CCKL trong hoạt động giao tiếp của người Việt trên ngữ liệu các cuộc hội thoại được miêu tả trong các tác phẩm văn chương, chúng tôi bước đầu nhận thấy chúng có những vai trò tiêu biểu như sau:

2.1. CCKL bổ sung, làm rõ nội dung miêu tả cho lời

2.1.1. CCKL minh hoạ nội dung của lời

VD Khi bà trưởng phòng hỏi Phượng đã có gia đình chưa, Phượng nói đã có một con gái.

Thế đăng kí thôi nhé. Một con thôi – bà giơ một ngón tay lên, thở phào một hơi [7, tr 108]

Nghị Hách cười ha hả một hồi, cứ vỗ mãi vào vai Long (...) vừa nắc nắc, vừa nói: - Mày còn ngu lắm! Mày có biết ở những nơi phồn hoa đô hội như Hà Nội, Hải Phòng, người ta bán chữ Trinh của người ta bao nhiêu không? (Đến đây, lão xoè bàn tay ếch ra). Năm đồng! (...). [10, tr 279]

Trong các VD trên, *một con* được minh hoạ bằng cử chỉ *giơ một ngón tay, năm đồng* minh hoạ bằng *xoè bàn tay*. Với đôi bàn tay linh hoạt, con người trong thực tế có thể dùng nó như một phương tiện quan trọng để hỗ trợ cho nội dung của lời (đôi khi còn không cần dùng lời, rõ nhất trong ngôn ngữ ra dấu của người câm), như khi nói “hình tròn”, người ta có thể kèm cử chỉ vẽ một vòng tròn, “chạy hình chữ chi”, có thể đưa ngón tay uốn lượn theo hình chữ chi,...

2.1.2 CCKL cụ thể hoá hành vi ngôn ngữ

CCKL cụ thể hoá hành vi ngôn ngữ được nêu ra trong lời, có tác dụng chỉ dẫn hành động đối

với người nghe, khiến họ biết rõ mình phải làm gì. Vd:

“Thứ và San vẫn đứng. Mô nhận ra điều ấy trước nhất. Nó kéo hai chiếc ghế: - Mời hai cậu ngồi chơi.

(...) Ông chủ thì chỉ chiếc ghế còn bỏ không mời nó:

- Cậu Mô ngồi đây chơi.” [9, tr154]

Hai lời nói trong VD trên chứa đựng hành vi mời. “*Mời hai cậu ngồi chơi*” kết hợp với cử chỉ kéo ghế giúp người nghe hiểu rằng: ngồi xuống ghế. Ông chủ mời Mô “*ngồi đây*” kèm cử chỉ chỉ chiếc ghế còn bỏ không có nghĩa là: ngồi xuống chiếc ghế còn bỏ không.

“Long bỗng đứng phắt lên, trở tay ra cửa:

- Ông đi đi! Ông đi ngay đi!” [9, tr 314]

Hành vi ở lời trong phát ngôn trên là hành vi ra lệnh. Long ra lệnh (cho Tú Anh) *đi đi* kèm cử chỉ trở tay ra cửa, nghĩa là: *Hãy đi ra khỏi cửa!*

2.2 Bổ sung làm rõ sắc thái tình cảm cho lời

Trong giao tiếp, người nói dùng cử chỉ cùng với lời nói để thể hiện thái độ, tình cảm với người nghe. Người nghe tiếp nhận cử chỉ bằng thị giác để hiểu tình cảm và thái độ của người nói, từ đó mà có những cách ứng xử phù hợp. Thông qua CCKL, người ngoài cuộc có thể nhận biết mối quan hệ tình cảm, vị thế xã hội (cao/thấp), vị thế giao tiếp (chế ngự/bị chế ngự, chủ động/bị động) giữa các nhân vật giao tiếp.

Trong thói quen sử dụng của từng dân tộc, mỗi cử chỉ có một ý nghĩa riêng để biểu thị sắc thái tình cảm. Ở đây chúng tôi nghiên cứu cử chỉ trong các tình huống hội thoại khác nhau để xem nhà văn quy cho chúng những giá trị nào. CCKL trong thói quen giao tiếp của người Việt rất phong phú và đa dạng. Chỉ xin thử dẫn ra vài loại cử chỉ tiêu biểu có góp phần bổ sung làm rõ sắc thái tình cảm cho lời:

* **Vỗ tay:** Trong rất nhiều tình huống, cử chỉ vỗ tay đều thể hiện sự đồng tình ủng hộ, động viên, khuyến khích...

Vỗ tay biểu thị thái độ ủng hộ.

VD Khi Xuân Tóc Đỏ nói sẽ tặng Tiết hạnh khả phong cho bà phó Đoan thì “*Ngân ấy người đều vỗ tay reo lên: - Được lắm!*”. [11, tr490]

Vỗ tay biểu thị sự thúc giục, cổ vũ, động viên.

VD “*Đứng giữa phòng, bà (trưởng phòng) vỗ tay đôm đốp:*

- *Nào các cô! mỗi người một tay chuyển giúp giấy trên ô tô vào kho nào. Cố một tí cho nhanh lên kéo mưa thì khôn. Nào, tôi yêu cầu!*” [7, tr 112]

* **Bắt tay:** Cử chỉ này được sử dụng khá phổ biến trong hoạt động giao tiếp, biểu thị nhiều sắc thái tình cảm khác nhau.

Bắt tay biểu thị tình cảm thân thiện khi chào hỏi

VD Gặp Xuân Tóc Đỏ, bà Typn “*Bạo dạn đưa tay ra như một tân nữ lưu tập sự mà bắt tay Xuân Tóc Đỏ. Bà nhanh nhẩu nói:*

- *May quá, đương muốn tìm ông thì lại gặp ông ở đây (...)*” [11, tr410]

Thể hiện thái độ lịch sự trong giao tiếp xã giao:

VD (...) *Lý giới thiệu cô em kết nghĩa với Cẩn:*

- *Cám ơn cô nhé! Cẩn bắt tay cô gái (...)* [7, tr 289]

Biểu thị sự cam đoan, hứa hẹn chào lúc ra về:

VD “*Xuân Tóc Đỏ gĩa tay cho ông phán mọc sừng:*

- *Vậy tôi xin hứa một lần nữa...danh dự...cam đoan.*

Ông phán sung sướng bắt tay Xuân rất chặt, nói rồi rút:

- *Thôi, tôi vào Sở, cảm ơn bác trước nhé!’’* [11, tr348]

Bắt tay và ôm hôn vốn là cử chỉ thể hiện thái độ lịch sự trong giao tiếp của người phương Tây. Thói quen bắt tay khi giao tiếp của người Việt Nam mới hình thành do sự tiếp xúc văn hoá, và thường chỉ được dùng trong giao tiếp mang tính xã giao. Những người trong gia đình như cha-con, vợ - chồng, anh - chị - em ruột thịt gặp nhau hàng ngày mà cũng dùng cử chỉ này khi chào hỏi, cảm ơn sẽ không thật phù hợp với nghi thức giao tiếp của người Việt, nó khiến cho quan hệ cha- con, anh - em,... trở nên xa lạ, khách sáo. Tình huống ứng xử của cha con Văn Minh sau

đây minh hoạ cho cái gọi là “Âu hóa triệt để” từ cách ăn nói, phục trang đến cách biểu lộ tình cảm, càng thể hiện rõ hơn sự ngu dốt và lỗ bịch của các thành viên trong xã hội trưởng giả đó:

VD “*Văn minh đến bắt tay ông bố một cách thân mật mà rằng:*

- *Toa tốt lắm. Để tối nay lên ăn cơm trên Giám đốc, moa sẽ xin cho toa cái Long bội tình Cự cổ Hồng bèn bá cổ ông con để hôn đáp lại:*

- *Cám ơn vô cùng! Hân hạnh đặt biệt! Toa ăn ở đến thế với moa thì quý hoá lắm...”* [11, tr 489]

* **Cười:**

Tiếng cười trong giao tiếp của người Việt có rất nhiều điệu thái. Trong nhiều trường hợp, tiếng cười ngoài mang sắc thái biểu cảm dương tính còn thể hiện nỗi xót xa, buồn bã, đau xót,... theo kiểu “*khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười.*”

Khi phân tích các đặc trưng cơ bản trong giao tiếp của người Việt, Trần Ngọc Thêm chỉ ra cách thức giao tiếp của người Việt Nam là ưa sự tế nhị, ý tứ và trọng sự hoà thuận. Đây là sản phẩm của lối sống trọng tình và lối tư duy này dẫn đến thói quen cân nhắc kĩ càng khi nói năng. Thói quen này dẫn đến một nhược điểm là thiếu tính quyết đoán. Để giữ được hoà thuận, người Việt Nam rất hay cười. Người ta có thể gặp nụ cười Việt Nam vào cả những lúc ít chờ đợi nhất.

Mỗi điệu cười và trạng thái cười khác nhau biểu lộ một thái độ, tình cảm khác nhau:

- **Mỉm cười:** Trong giao tiếp thông thường, mỉm cười có thể để làm duyên hoặc tạo bầu không khí nhẹ nhàng, thân mật, vui vẻ cho những người tham gia hội thoại.

“*Thứ mỉm cười:*

- *Cô lại viết thư cho ông Đích chứ gì?”* [9, tr209]

Nhiều khi lại để biểu lộ thái độ chua chát, mỉa mai:

“*Y mỉm cười chua chát hỏi San:*

- *Nếu gia đình anh có cách sinh nhai chắc chán rồi (...) thì anh sẽ làm gì?”* [9, tr 251].

Hoặc mang hàm ý trêu chọc, chế giễu:

San mới ở quê lên, kêu mệt mỏi, “*Thứ mỉm cười*:

- *Ý hẳn suốt đêm qua cu cậu không được ngủ?*” [9, tr92]

- *Túm tím cười*

Tỏ thái độ ngượng ngịu:

VD “*San hỏi nó (Mô): - Mày chưa về nhà mày kia à?(...)*

Nó tím tím cười: - Thưa cậu, sao kia ạ?

- *Có vợ rồi mà đến bây giờ chưa cần về!*” [9, tr145]

Hàm ý châm chọc, kích bác:

VD Phụng nói có một bà cụ ở trên phòng ông Bằng.

“*Lý tím tím cười*:

- *Bà lang Chí đấy. Các cụ già sắp xuống lỗ rồi mà còn tình tang ra phết*” [7, tr 21]

Túm tím cười chỉ để đùa vui, hài hước:

VD “*Ở trong buồng, Thứ tím tím cười, bảo San:*

-*Nếu không có đàn bà thì có lẽ thiên hạ vẫn còn được những tháng nói khoác, nhưng chúng sẽ nói ít đi được nhiều*” [9, tr202].

2.3. CC bắt nhịp cho lời nói

Trong điều kiện giao tiếp đương diện, người nói luôn hướng về phía người nghe và muốn thu hút sự chú ý về mình. CCKL giúp người nói tiến hành hoạt động nói một cách tự nhiên, sinh động, làm cho người nghe mất cảm giác đơn điệu nhằm chán mà hào hứng hơn trong việc tiếp nhận nội dung của lời. Cử chỉ bổ sung ý nghĩa cho lời và bắt nhịp cho âm thanh lời nói. Nói một cách hình ảnh thì đôi khi cử chỉ cũng có tác dụng như tiếng đàn với lời hát vậy.

VD “*Ông Bằng gõ ngón tay lên mặt bàn, chậm rãi:*

- *Thôi được rồi, họ nhận Phụng thế là may. Bà hỏi Phụng: Mấy năm vừa rồi, ở Hoàng Liên Sơn, con làm công việc gì?*” [7, tr 22]

VD “*Luận gõ ngón tay trên mặt bàn:*

- *Thành phố hình như đã hình thành một lớp tư sản mới, chúng đang phá phách, khuyếch đảo xã hội, ba ạ.*” [7, tr47].

CC gõ ngón tay lên mặt bàn tưởng như không liên quan gì đến nội dung hai lời nói trên và người sử dụng không thật ý thức rõ về chúng, nhưng thực ra cử chỉ này đã diễn tả một sự thư thái trong tâm hồn, sự lắng đọng suy tư. Tâm hồn thanh thản nhẹ

nhàng, hoặc người nói đang lắng đọng tâm tư vào một vấn đề nào đó nên giọng điệu lời nói chậm rãi, khoan thai. Cử chỉ gõ ngón tay lên mặt bàn như gõ nhịp cho lời nói và cũng là cách để người nói thu hút sự chú ý của người nghe.

Diễn giả khi nói chuyện trước công chúng thường sử dụng rất linh hoạt đôi tay của mình. Khi diễn giả vung tay, múa tay, giơ lên, hạ xuống,... cũng chính là để bắt nhịp cho suy nghĩ và cho lời nói, đồng thời thu hút người nghe:

VD “*Ông chánh đứng lên, cao lệnh khênh giữa giường lại múa tay mà rằng:*

- *Không thì nhục lắm, xấu hổ lắm! Mà nhục cho cả làng! Nhục cho cả cái làng này, các cụ đã biết chưa?*” [10, tr184]

Những cử chỉ mà động tác phải lặp lại nhiều lần thường đi với lời nói có thành phần lặp. Cử chỉ này cũng làm nhịp cho lời nói.

Ví dụ cử chỉ *gật gù* (đg): *gật nhẹ và nhiều lần, biểu thị thái độ đồng tình và tán thưởng* [6, tr378].

CC này đi với những lời nói có thành phần lặp lại

“*Bà khách gật gù:*

- *Phải! Phải đấy! Để phải đến thế thì mới có công hiệu*” [11, tr300]

VD “*Thầy này gật gù như một nhà say rượu chán đời:*

- *Buồn lắm ạ! Buồn lắm, chỉ muốn chết quách*” [11, tr273]

Xua tay (đg): *làm động tác đưa tay qua lại tỏ thái độ khước từ hoặc ra hiệu báo thôi đi* [6, tr 1135]. CC này cũng đi với lời nói có thành phần lặp:

VD: -“*Không được! Không được!... Không nên như thế...*

Ông Bằng xua xua tay.” [7, tr 23]

2.4. Cử chỉ thay thế cho một bộ phận ngôn từ

Các cuộc đối thoại trực tiếp có sự hỗ trợ rất lớn của cử chỉ, có CCKL có cử chỉ thay lời. Nhiều khi một phần nội dung thông tin của lời không được diễn đạt bằng ngôn từ mà bằng cử chỉ do người nói không tiện trực tiếp nói ra, hoặc không muốn trực tiếp diễn đạt bằng lời.

VD “*Đồng bụng chén trà đặt trước mặt ông Bằng:*

- *Ba có đi chơi chợ hoa không, ba?*

Ông Bằng lắc đầu:

- *Mấy hôm nay ba có hứng thú làm việc. Vào tuổi ba, tạo được hứng thú khó lắm.*” [7, tr48]

Đồng hồi ba có đi chơi chợ hoa không, lẽ ra ông Bằng phải trả lời “có” hoặc “không”, nhưng câu trả lời của ông dường như chẳng ăn nhập gì với câu hỏi. Trong trường hợp này, cử chỉ đã là câu nói, khiến nội dung lời nói không trở nên vô nghĩa. Câu trả lời đầy đủ: “*Không, vì mấy hôm nay ba có hứng thú làm việc*”

VD “*Ông huyện đập cái thước kẻ trên bàn giấy đánh chết một cái, làm cho thiếu niên quay lại. Ông huyện đỏ mặt nói:*

- *Anh muốn gây sự với quan trường đấy phỏng?*” [10, tr265]

Ông huyện biểu thị nội dung yêu cầu người thiếu niên quay lại bằng CC đập thước xuống bàn. CC này có tính hiệu lực cao hơn cách nói: “*Anh kia quay lại. Anh muốn gây sự với quan trường đấy phỏng?*”

2.5. Cử chỉ biến đổi nghĩa lời nói

Cử chỉ hỗ trợ cho lời nói, là một trong 5 yếu tố của ngữ huớng thụ ngôn, giúp cho người nghe nhận hiểu đúng nghĩa của lời - đối tượng. Trong nhiều trường hợp, chính cử chỉ mới giúp người nghe hiểu đúng nghĩa của lời, chứ không phải ở nội dung được trực tiếp nói ra.

VD “*Năm Quý Hợi, chắc anh viết về con lợn* (...)

- *Còn rộng hơn nữa. Về vũ trụ, thời tiết, mặt trời* (...)

- *Tham thế? - Phụng nguyệt yêu chồng.*” [7, tr275]

“*Tham thế!*” là một lời trách, nhưng thêm cái “*nguyệt yêu*” nữa thì không phải là lời trách với thái độ bức tức mà là “*trách yêu*”.

VD *Cụ bá biết rằng mình đã thắng, đưa mắt nháy con một cái, quát:*

- *Lý Cường đầu! Tội mày đáng chết. Không bảo người nhà đun nước, mau lên!* [8, tr 15]

Ở VD này, câu nói của bá Kiến sẽ là lời quát thực sự, nhưng thêm cử chỉ “*nháy con một cái*” lập tức ý nghĩa của câu nói buộc phải được hiểu theo nghĩa khác. Hai cha con họ chỉ đang đóng kịch trước mặt Chí Phèo mà thôi.

3. Kết luận

Cử chỉ kèm lời là một hiện tượng có thật, xuất hiện thường xuyên trong các cuộc giao tiếp. Đã có một vài nhà nghiên cứu nhắc đến hiện tượng này và bước đầu thừa nhận vai trò của nó. Ở phạm vi bài viết này, chúng tôi đưa ra khái niệm về CCKL và bước đầu tìm hiểu vai trò của nó trong hoạt động giao tiếp, cũng không có tham vọng liệt kê ra đây tất cả các loại CCKL đã thu thập được. Chúng tôi đi theo hướng là nghiên cứu về cử chỉ trên ngữ liệu là các cuộc hội thoại được các nhà văn miêu tả trong tác phẩm văn chương. Mục đích cao hơn muốn hướng đến là sẽ tiếp tục tìm hiểu vai trò của phương tiện này trong xây dựng nhân vật, từ đó cung cấp thêm một hướng để khai thác hình tượng nhân vật trong tác phẩm văn học.

Tài liệu tham khảo

1. Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hoà (1998), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán (1992), *Đại cương về ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Hồ Lê (1996), *Quy luật ngôn ngữ* (quyển hai), Nxb KH – XH.
4. F.de.Saussure (1973), *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương* (dịch theo bản tiếng Pháp), Nxb KH – XH, Hà Nội.
5. Trần Ngọc Thêm (1997), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
6. Hoàng Phê chủ biên (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ, Hà Nội.

Xuất xứ ngôn liệu

7. Ma Văn Kháng (1987), *Mùa lá rụng trong vườn*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
8. Nam Cao (1998), *Truyện ngắn tuyển chọn*, Nxb Văn học.
9. *Tuyển tập Nam Cao*, Nxb Văn học, 1999.
10. *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng*, Tập 1, (1996) Nxb Văn học.
11. *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng*, Tập 2, (1996) Nxb Văn học.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 07-07-2009)